

Bản án số: 261/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 29 - 6 - 2018

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị N M.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn T;

Bà Nguyễn Thị T S.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh C là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2018/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1976. (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 27, ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 14, ấp BP 1, xã BH, huyện CT, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1975. (Có đơn xin vắng mặt).

Trú tại: Tổ 27, ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết N trình bày: Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM vào năm 2000. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó anh T không quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu về chửi mắng chị, chị đã khuyên ngăn anh T nhiều lần nhưng anh không sửa đổi, vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị N xin ly hôn với anh T.

Con chung: Vợ chồng chung sống được 03 con chung tên Huỳnh Thị Tuyết P, sinh năm 1996; Huỳnh Thị Tuyết T, sinh năm 2000; Huỳnh Hiền H, sinh năm 2003. Hiện Tuyết P và Tuyết T đã thành niên và có khả năng lao động được, còn Hiền H chị N yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại tờ tường trình và quá trình giải quyết bị đơn anh Huỳnh Văn T trình bày: Thống nhất với phần trình bày của chị N, đồng thời anh T còn cho rằng do anh bị bệnh thận, giảm sinh lý nên chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác cho nên chị N xin ly hôn với anh T. Anh T còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Con chung: có 03 con chung tên Huỳnh Thị Tuyết P, sinh năm 1996; Huỳnh Thị Tuyết T, sinh năm 2000; Huỳnh Hiền H, sinh năm 2003. Hiện Tuyết P và Tuyết T đã thành niên và có khả năng lao động được, còn cháu H nếu ly hôn thì con muốn ở với ai người đó nuôi, không cấp dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có.

Anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu nuôi cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, biên bản xác minh tại địa phương thấy rằng do thời gian gần đây anh T thường hay uống rượu về quậy phá trong nhà nên thấy bà N và ông T không còn chung sống với nhau, bà N đã đi nơi khác sống. Tại phiên tòa, chị N cho rằng chị và anh T đã ly thân từ tháng 6/2017 đến nay, không còn tình cảm, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Thị Tuyết P, sinh năm 1996; Huỳnh Thị Tuyết T, sinh năm 2000; Huỳnh Hiền H, sinh năm 2003. Hiện

Tuyết P và Tuyết T đã thành niên và có khả năng lao động, còn cháu H sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu H do chị N chăm sóc nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của con nên đề nghị giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh T thường trú tại ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang. Chị N khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh T, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng như tại phiên tòa thấy rằng: Chị N và anh T là vợ chồng chung sống với nhau nhưng anh T không quan tâm, lo lắng cho vợ con, thường hay uống rượu quậy phá gia đình, chửi mắng vợ con, chị N đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không sửa đổi. Đồng thời tại phiên tòa, chị N cho rằng chị và anh T có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, đã ly thân gần 01 năm, chị đã không còn tình cảm gì với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, nên kiên quyết xin ly hôn. Anh T có văn bản có ý kiến xin đoàn tụ và xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết và tại phiên tòa Tòa án đã hòa giải, động viên anh chị hàn gắn và chung sống lại với nhau nhưng chị N kiên quyết xin ly hôn, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Thị Tuyết P, sinh năm 1996; Huỳnh Thị Tuyết T, sinh năm 2000; Huỳnh Hiền H, sinh năm 2003. Hiện Tuyết P và Tuyết T đã thành niên và có khả năng lao động. Riêng cháu H từ khi ly thân đến nay chị N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu ổn định. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung và theo nguyện vọng của cháu H, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Huỳnh Hiền H, sinh năm 2003 cho chị N được trực tiếp nuôi con là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Về con chung:

Giao con chung tên Huỳnh Hiền H, sinh năm 2003 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N trực tiếp nuôi con cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Chị Trần Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002581 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- UBND xã BP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị N M